

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7865 /CT-KK&KTT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 9 năm 2017

V/v: Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất,
tiền thuê đất đợt II/2017

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Đồng nai

Căn cứ công văn số 13849/BTC-TCT ngày 15/10/2007 và công văn số 13833/BTC-NSNN ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính về việc ghi thu ,ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Căn cứ công văn 13795/BTC-NSNN ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính, V/v hướng dẫn ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất

Căn cứ Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1011/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 17/7/2017; số 1096/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 8/8/2017 của Cục thuế Đồng nai với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đất được khấu trừ vào tiền sử dụng đất: 46.084.158.400 đồng (trong đó Huyện Trảng bom: 1.023.952.000 đồng; Huyện Thống nhất: 45.060206.400 đồng)

Căn cứ Thông báo nộp tiền thuê đất số 1172/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 31/8/2017; số 1229/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 21/9/2017; số 1230/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 21/9/2017; số 1231/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 21/9/2017 của Cục thuế Đồng nai với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đất được trừ vào tiền thuê đất: 70.806.200.013 đồng (trong đó Cục thuế Đồng nai: 70.806.200.013 đồng)

Cục thuế Đồng nai đề nghị Sở Tài chính thông báo cho các đơn vị thực hiện ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định (theo danh sách đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh: thayb/c
- Chi cục TB, TN
- Lãnh đạo Cục
- Các phòng THNVDT, QLCKTTĐ.
- Lưu VT, KK&KTT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Quốc Trị

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC ĐƯỢC KHẤU TRỪ TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT VÀO TIỀN THUÊ ĐẤT ĐỢT 2 NĂM 2017
Tính đến ngày 21/9/2017

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Địa chỉ thửa đất	TB nộp tiền	Ngày t.báo	DT dự án	Số tiền thuế đất phải nộp	Tổng Số tiền thuê đất phải nộp	Tiền bồi thường được khấu trừ	Số tiền Miễn giảm	Số tiền đã nộp	Số tiền còn phải nộp	Ghi chú
	Cục thuế Tỉnh Đồng Nai											
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	X. Tâm, X. Hưng Xuân Lộc	1172	31/08/2017	2.348.071,00		107.602.878.239	33.104.749.370	74.498.128.869		-	
2	Công ty CP Sonadezi Long Thành	Long Thành	1229	21/09/2017	627.405,10		39.917.411.496	8.323.030.000	2.186.100.576	16.670.931.489	12.737.349.431	
3	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp	Nhơn Trạch	1230	21/09/2017	1.260.424,68		137.809.071.485	20.805.470.503	22.247.204.365	8.411.300.723	86.345.095.894	
4	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp	Nhơn Trạch	1231	21/09/2017	691.752,00		29.734.602.695	8.572.950.140	4.823.414.039		16.338.238.516	
					4.927.652,78		315.063.963.915	70.806.200.013	103.754.847.849	25.082.232.212	115.420.683.841	

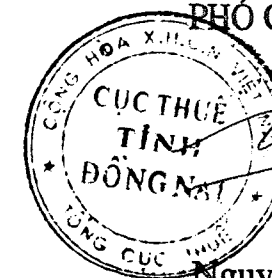
Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2017

LẬP BIỂU


Võ Ngọc Diệp

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017

CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Trị

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC ĐƯỢC KHẤU TRỪ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỢT 2 NĂM 2017
Tính đến 21/9/2017

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Địa chỉ thửa đất	B nộp tiền	Ngày t.báo	DT dự án	DT phải nộp tiền				Số tiền SDD phải nộp	Miễn ưu đãi	Tiền bồi thường được khấu trừ	Lạm nộp trước	Số còn phải nộp
						Tổng cộng	Đất ở	Đất SXKD	Đất NTĐ					
I	HUYỆN TRẮNG BOM				8.900,80	8.900,80	-	8.900,80	-	1.023.952.000	-	1.023.952.000		
1	Tổng Công ty CP Phát triển KCN	U. Diên, A. Viễn Tráng	1011	17/07/2017	8.900,80	8.900,80		8.900,80		1.023.952.000		1.023.952.000		
II	HUYỆN THỐNG NHẤT				371.505,00	349.253,20	-	-	349.253,20	56.325.258.000	11.265.051.600	45.060.206.400	-	
1	Công ty TNHH Công viên tương niệm Niết bàn	Quang Trung Thống Nhất	1096	08/08/2017	371.505,00	349.253,20			349.253,20	56.325.258.000	11.265.051.600	45.060.206.400		
					380.405,80	358.154,00	-	8.900,80	349.253,20	57.349.210.000	11.265.051.600	46.084.158.400	-	-

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2017

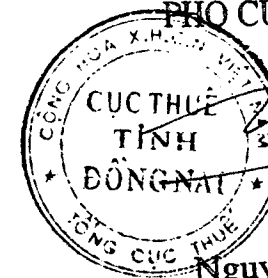
LẬP BIỂU


Võ Ngọc Diệp

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017

CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Trị

Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2017

V/v Ghi thu, ghi chi số tiền bồi thường,
hỗ trợ đất được trừ vào tiền sử
dụng đất Đợt 2 năm 2017.

Kính gửi : - Phòng Kế khai và Kế toán thuế.
- Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ Dự toán.

Căn cứ công văn số 13849/BTC-TCT ngày 15/10/2007; công văn số 13833/BTC-NSNN ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính về việc ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và công văn số 13795/BTC-NSNN ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Căn cứ công văn số 6094/UBND - KT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc thực hiện ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước.

Phòng QLCKTTĐ tổng hợp các đơn vị được khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ đất đến ngày 21/9/2017 như sau:

- Tiền sử dụng đất của 02 dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ đất là : 46.084.158.400 đ.

- Tiền thuê đất của 04 dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ đất là : 70.806.200.013 đ.

Phòng QLCKTTĐ đề nghị Phòng Kế khai và Kế toán thuế; Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ Dự toán lập thủ tục chuyển sang Sở Tài chính ghi thu, ghi chi số Tiền sử dụng đất của 02 dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ đất là : 46.084.158.400 đồng; Tiền bồi thường, hỗ trợ đất được khấu trừ vào tiền thuê đất của 04 dự án, số tiền là : 70.806.200.013 đồng tính đến ngày 21/9/2017./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : QLCKTTĐ.

PHÒNG QLCKTTĐ

Trưởng phòng



Chuyến Chơi Trà. Xử lý
ghos Hoa - ghos Chơi đất 2/2017

Ưng Nga Đúp

Số: 1229 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh Thông báo nộp tiền thuê đất số 783/TB.CT.QLCKTTĐ
Ngày 20/6/2017 của Cục Thuế Đồng Nai

I- PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Văn bản số 4141/UBND-KT ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v thực hiện Nghị định số 135/2016/NĐ-CP về tiền thuê đất của các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN đã cho thuê lại đất thu tiền một lần; Văn bản số 4802/STC-GCS ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính V/v xác định số tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền thuê đất của Cty CP Sonadezi Long Thành; Căn cứ hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ ngày 12/01/2004 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và báo cáo, kê khai của Công ty về việc cho nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất thu tiền một lần, Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên người nộp tiền thuê đất: Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

- Mã số thuế (nếu có): 3600649539

- Địa chỉ gửi thông báo: đường số 5, KCN - Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại:

Email:

- Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số:

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): được xác định được xác định theo từng thời kỳ

6. Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp.

7. Nguồn gốc đất: nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo Quyết định số 5043/QĐ.CT.UBT ngày 30/12/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai, hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ ngày 12/01/2004

8. Thời hạn thuê đất: (năm)

9. Diện tích đất thuê: /

9.1. Diện tích phải nộp tiền thuê đất: /

9.2. Diện tích không phải nộp tiền thuê: /

10. Hình thức thuê đất:

10.1 Trả tiền hàng năm:

10.2 Trả tiền một lần: 627.405,10 m² (Đính kèm danh sách)

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm (đồng/m2/năm): /.



11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê : Đơn giá bình quân năm 2006 là 738,09đ/m²/năm, theo Công văn số 3693/STC-GCS ngày 26/8/2013 của Sở tài chính và cộng thêm một khoản tương đương tiền chậm nộp.

12 . Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13. Tổng số tiền thuê đất phải nộp: 39.917.411.496đ

13.1 Từ 01/01/2016 đến 30/12/2053 là: 39.917.411.496đ

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) : 8.323.030.000đ

14.1 Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được trừ vào tiền thuê đất theo Văn bản số 4802/STC-GCS ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính: 8.323.030.000đ

15. Miễn, giảm tiền thuê đất: 2.186.100.576đ

15.1 Miễn tiền thuê đất: 2.186.100.576đ

15.1.1. Lý do miễn: Công ty được miễn theo Chính sách, QĐ số 36/QĐ-CT ngày 05/5/2016.

* Tiền thuê đất đã nộp: 16.670.931.489đ

16. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước(đồng) : 12.737.349.432đ

16.1.Trường hợp thuê đất trả tiền Một lần: 12.737.349.432đ

(Bằng chữ : Mười hai tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, bốn trăm ba mươi hai đồng)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: 12.737.349.432đ

18. Địa điểm nộp: Kho bạc tỉnh Đồng Nai (TM 3605). Số Tài khoản: 71111054274

Nộp theo chương loại khoản..... mục..... Tiểu mục 3605

19 Thời hạn nộp tiền:

19.1 Số tiền thuê đất phải nộp từ 01/01/2016 đến 30/12/2053 là: 12.737.349.432đồng, nộp chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này.

19.2

Kỳ 1: /

Kỳ 2: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 02513.843.004; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền thuê đất biết và thực hiện./

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP TIỀN

Ngày tháng năm

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

RA THÔNG BÁO

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Lợi

II - PHẢN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (Dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

im theo Thông báo số 4229 /TB.CT.QLCKTTĐT ngày 24/9/2017 của Cục thuế

ng thuế đất của Nhà nước số 12/HBT ngày 12/1/2004 - Thời gian thuê đất từ ngày 30/12/2003 đến 30/12/2033

Mã đầu tư thuê lại đất	Diện tích cho thuê lại (m ²)	Ngày cho thuê lại lần đầu tiên	Thời hạn cho thuê lại	Đơn giá thuê đất NN theo ND 14/2/2005 (đơn giá) theo dự thảo HD của Sở	Tiền thuê đất 1 lần	Mức tính chi phí nộp 0,02%/ngày theo quy định tại ND 14/2/2005				Mức tính chi phí nộp 0,05%/ngày theo Luật QLTK 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006				Mức tính chi phí nộp 0,05%/ngày (số ngày chậm nộp >=90 ngày) và 0,07%/ngày (số ngày chậm nộp >90 ngày) theo Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012				Mức tính chi phí nộp 0,05%/ngày theo Luật số 17/2014/QH13 ngày 26/11/2014				Mức tính chi phí nộp 0,03%/ngày theo Luật số 16/2016/QH13 ngày 06/4/2016				Cộng lại số chi phí nộp	Đơn giá tính thu tiền 1 lần (đồng)	Tiền thuê đất 1 lần phí nộp	Số tiền thuế đất được miễn thuế 31/12/2017	Tạm ứng hoặc trừ tiền bồi thường, GPMB	Tiền thuê đất 1 lần chi phí nộp	Tiền thuê đất 1 lần chi phí nộp	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
						Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
						01/01/2006	30/06/2007	[8]-[7]-[6]	[9]-[8]-[0,02%]	01/07/2007	30/06/2013	[12]-[11]-[10]	[13]-[12]-[0,05%]	01/07/2013	31/12/2014	[16]-[15]-[14]	[17]	[18]	[19]-[17]-[0,05%]+[18]-[0,07%]	01/01/2015	30/06/2016	[22]-[21]-[20]	[23]-[22]-[0,05%]	01/07/2016	31/08/2017									[26]-[25]-[24]	[27]-[26]-[0,03%]	[28]-[27]-[26]	[29]-[28]-[27]	[30]-[29]-[28]	[29]*[30]	[31]	[32]	[33]	[34]-[30]-[31]-[32]-[33]																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]-[7]-[6]	[9]-[8]-[0,02%]	[10]	[11]	[12]-[11]-[10]	[13]-[12]-[0,05%]	[14]	[15]	[16]-[15]-[14]	[17]	[18]	[19]-[17]-[0,05%]+[18]-[0,07%]	[20]	[21]	[22]-[21]-[20]	[23]-[22]-[0,05%]	[24]	[25]	[26]-[25]-[24]	[27]-[26]-[0,03%]	[28]-[27]-[26]	[29]-[28]-[27]	[30]-[29]-[28]	[29]*[30]	[31]	[32]	[33]	[34]-[30]-[31]-[32]-[33]	Số năm cho thuê lại đất tính đến 01/1/2016																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
: cho thuê đất trước 01/1/2006																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															

Số: 1231 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh Thông báo nộp tiền thuê đất số 812/TB.CT.QLCKTTĐ
Ngày 23/6/2017 của Cục Thuế Đồng Nai

I- PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Văn bản số 4141/UBND-KT ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v thực hiện Nghị định số 135/2016/NĐ-CP về tiền thuê đất của các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN đã cho thuê lại đất thu tiền một lần; Văn bản số 4804/STC-GCS ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính V/v xác định số tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền thuê đất của Tổng Cty Đầu tư Phát triển Đô thị và khu công nghiệp Việt Nam TNHH một thành viên; Căn cứ hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ ngày 19/5/2006 và báo cáo, kê khai của Tổng Công ty về việc cho nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất thu tiền một lần, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên người nộp tiền thuê đất: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam TNHH một thành viên.

- Mã số thuế (nếu có): 0302177966

- Địa chỉ gửi thông báo: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: Email:

- Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số: Thuộc tờ bản đồ số:

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): được xác định được xác định theo từng thời kỳ

6. Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp.

7. Nguồn gốc đất: nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo Quyết định số 624/QĐ.CT.UBT ngày 04/3/2003; Quyết định số 574/QĐ.CT.UBT ngày 27/02/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai, hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ ngày 19/5/2006.

8. Thời hạn thuê đất: (50 năm) đến 04/3/2053

9. Diện tích đất thuê: 691.752m²

9.1. Diện tích phải nộp tiền thuê đất: /

9.2. Diện tích không phải nộp tiền thuê: /

10. Hình thức thuê đất:

10.1 Trả tiền hàng năm:

10.2 Trả tiền một lần: 403.877,59 m² (Đính kèm danh sách cho thuê lại đất)

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:



11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm (đồng/m²/năm): /.

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê : Đơn giá bình quân năm 2006 là 710,53đ/m²/năm, theo Công văn số 567/STC-GCS ngày 22/02/2013 của Sở tài chính và cộng thêm một khoản tương đương tiền chậm nộp.

12. Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13. Tổng số tiền thuê đất phải nộp: 29.734.602.695đ

13.1 Từ 01/01/2016 đến 04/3/2053 là: 29.734.602.695đ

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) : /

14.1 Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được trừ vào tiền thuê đất theo Văn bản số 4804/STC-GCS ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính(phân bổ cho diện tích phải nộp tiền): 8.572.950.140đ

15. Miễn, giảm tiền thuê đất: 4.823.414.039đ

15.1 Miễn tiền thuê đất: 4.823.414.039đ

15.1.1. Lý do miễn: Miễn theo Chính sách ưu đãi, QĐ số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014.

* Tiền thuê đất đã nộp: /

16. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước(đồng) : 16.338.238.515đ

16.1.Trường hợp thuê đất trả tiền Một lần: 16.338.238.515đ

(Bằng chữ : Mười sáu tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm mười lăm đồng)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: 16.338.238.515đ

18. Địa điểm nộp: Kho bạc tỉnh Đồng Nai (TM 3605). Số Tài khoản: 71111054274

Nộp theo chương loại khoản..... mục..... Tiểu mục 3605

19 Thời hạn nộp tiền:

19.1 Số tiền thuê đất phải nộp từ 01/01/2016 đến 04/3/2053 là: 16.338.238.515đồng, nộp chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này.

19.2

Kỳ 1: /

Kỳ 2: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 02513.843.004; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền thuê đất biết và thực hiện./

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP TIỀN

Ngày tháng năm

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

RA THÔNG BÁO

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Lợi

(Đánh cho cơ quan thu tiền):

II - PHÂN XỬ LÝ PHÁT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

h kèm theo Thông báo số 1231/TB-CT.QLCKTTĐ ngày 21/ 9/2017 của Cục thuế

đồng thuê đất của Nhà nước số 12/HĐTĐ ngày 19/5/2006 - Thời hạn thuê đất đến ngày 04/3/2053



nhà đầu tư thuê lại đất	Diện tích cho thuê lại (m ²)	Ngày cho thuê lại tính tiền lần	Thời hạn cho thuê lại đất	Đơn giá thuê đất NN theo ND 142/2005 thời điểm 01/1/2006 (nếu có) theo dự thảo HĐ của Sở TNMT (đồng)	Mức tính chậm nộp 0,02%/ngày theo quy định tại ND 142/2005				Mức tính chậm nộp 0,05%/ngày theo Luật QLT 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006				Mức tính chậm nộp 0,05%/ngày (số ngày chậm nộp <=90 ngày) và 0,07%/ngày (số ngày chậm nộp >90 ngày) theo Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012				Mức tính chậm nộp 0,05%/ngày theo Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014				Mức tính chậm nộp 0,03%/ngày theo Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016				Cộng hệ số đơn giá chậm nộp	Đơn giá tính thu tiền lần (đồng)	Số Tiền thuê đất 1 lần phải nộp	Số tiền thuê đất được miễn đến 31/12/2021	Tạm tính khoản trừ tiền bồi thường GPMB	Tiền thuê đất 1 lần cần phải nộp	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
					Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày	Tổng số ngày	Số ngày tính 0,05 %	Số ngày tính 0,07%	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp	Từ ngày	Đến ngày								Số ngày chậm nộp	Hệ số Đơn giá chậm nộp																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
					01/01/2006	30/06/2007			01/07/2007	30/06/2013			01/07/2013	31/12/2014					01/01/2015	30/06/2016			01/07/2016	31/08/2017																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[7] [6]	[9]=[8] *0,02%	[10]	[11]	[12]=[11] [10]	[13]=[12] *0,05%	[14]	[15]	[16]=[15] [14]	[17]	[18]	[19]=[17] *0,05% + [18]*0,07%	[20]	[21]	[22]=[21] [20]	[23]=[22] *0,05%	[24]	[25]	[26]=[25] [24]	[27]=[26] *0,03% + [27]*[13] + [9]	[28]-[27] + [23]*[19] + [13] + [9]	[29]-[5]+[5] [28]	[30]-[31]*[29]*số năm cho thuê lại (tính từ 01/1/2016)	[31]	[32]	[33]=[30]-[31]-[32]	số năm tính tiền 01 lần																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
no thuê đất trước 01/1/2006																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
o thuê lại trước 01/1/2006																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

h: 1. Công ty được miễn tiền thuê đất đến 31/12/2021, QĐ miễn số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014

Ngày 18 tháng 9 năm 2017
Lập biểu

Ngày tháng năm 2017
Trưởng Phòng QLCKTTĐất

2. Bảng tính đơn giá bq

Phụ lục HĐ12/ ngày 28/8/2009):

Diện tích	đơn giá	số tiền	
22.928,80	2.100,00	48.150.480	
34.369,20	1.050,00	36.087.660	
634.453,80	630,00	399.705.894	
691.751,80	483.944.034		Cộng
	699,59		Đơn giá bq

Trần Thị Kiều Diễm

Nguyễn An Toàn

3. VB số 4804/STC-GCS ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính xác định tổng số tiền bồi thường GPMB của dự án KCN Nhơn Trạch 5 bị được trừ vào tiền thuê đất là: 29.378.420.643 đồng, tạm phân bổ mỗi HĐ như sau:

Cộng	HĐ 96	HĐ 12	Diện tích tính tiền
2.370.347,00	1.678.795,00	691.752,00	
29.378.420.643,00	20.805.470.503	8.572.950.140	KTBT
12.393,10			Tỷ lệ p.bỏ

Số: 104 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2017

THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

I- PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 880/PC-VPDK ngày 16/5/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai; văn bản số 473/SNZ-XNGĐ ngày 21/6/2017 về khấu trừ tiền bồi thường vào tiền sử dụng đất của Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp. Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

1. Tên người nộp tiền sử dụng đất: Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

- Mã số thuế (nếu có): 3600 335 363

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: Số 1, đường 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại:

Email:

2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số: xã Giang Điền, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): Vị trí: 4, Khu đất tiếp giáp đường Bình Minh - Giang Điền (đường vào khu du lịch Thác Giang Điền), đoạn nam Sông Buông (cầu sông Buông đến ranh giới xã An viễn).

6. Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp

7. Nguồn gốc đất: Nhà nước giao đất theo Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất trong việc kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Giang Điền, tại xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 17/10/2012.

8. Thời hạn giao đất (năm) đến ngày 08/8/2058

9. Diện tích đất : 1.672.292, 80 m² (Diện tích đã xác định tiền sử dụng đất: 1.663.392 m² ; Diện tích tăng thêm phải xác định tiền sử dụng đất : 8.900,80 m²

9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 8.900,80 m²

9.1.1 Đất ở:

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa:

9.1.3. Trường hợp khác: 8.900,80 m²

9.2. Diện tích không phải nộp tiền:

10. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m²): 100.000 đ/m²; Theo Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai. . Hệ số 1.15 (Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 08/3/2016) 100.000 đ/m² X 1.15 = 115.000 đ/ m²

12. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :

13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:

13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:

13.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

13.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất : X

13. 5.Trường hợp khác:

14. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng): 1.023.952.000 đồng.

15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) : 1.023.952.000 đồng.

15.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDĐ: 1.023.952.000 đồng.

16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

17. Số tiền thuê đất hoặc nhận chuyển nhượng QSDĐ đã trả được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp.

18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước(đồng) : 0 đồng.

(Viết bằng chữ: Không đồng).

19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:

(Viết bằng chữ:)

20. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước Trảng Bom

Nộp theo chương loại khoản..... mục..... Tiêu mục

21 Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong vòng 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0251 3843004; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

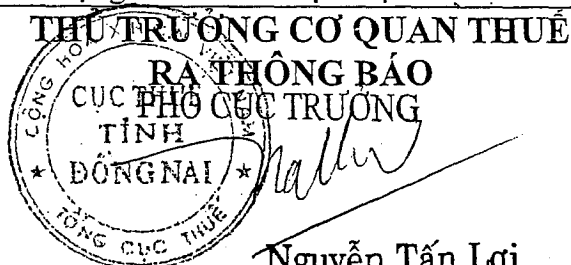
Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện./62

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP TIỀN

Ngày tháng năm

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)



Nguyễn Tấn Lợi

II - PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

Số: 1096 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 08 tháng 8 năm 2017

THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Thay thế thông báo số 746/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 14/6/2017)

I- PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 1805/PC-VPĐK ngày 27/7/2017 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 1724/STC-GCS ngày 14/4/2017 của Sở Tài chính về việc xác định tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền sử dụng đất dự án Hoa viên nghĩa trang Nhất An Viên tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

1. Tên người nộp tiền sử dụng đất: Công ty TNHH Công viên tưởng niệm Niết Bàn.

- Mã số thuế (nếu có): 3702 307 083 .

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: Lô D32, đường số 4, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương .

- Điện thoại:

Email:

2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số: xã Quang Trung,
huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):

6. Mục đích sử dụng đất: Đất nghĩa trang, nghĩa địa .

7. Nguồn gốc đất: Giao đất theo Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 20/3/2017, Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

8. Thời hạn giao đất : Lâu dài

9. Diện tích đất : 371.505 m²

9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 349.253,20 m²

9.1.1 Đất ở:

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 349.253,20 m²

9.1.3. Trường hợp khác :

9.2. Diện tích không phải nộp tiền: 22.251,80 m²

10. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m²): Theo Quyết định phê duyệt giá tính tiền sử dụng đất số 1756/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai : 360.000 đ/ m² ; 252.000 đ/ m²; 180.000 đ/ m²; 108.000 đ/ m²

12. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :

13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:

13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:

13.2. Bảng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

13.3. Bảng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bảng 100% tiền sử dụng đất :

13. 5. Trường hợp khác:

14. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng): 56.325.258.000 đồng .

15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) : 45.060.206.400 đồng.

15.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDĐ: 45.060.206.400 đồng.

16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.1.1. Lý do miễn:

16.1.2. Thời gian miễn:

16.1.3. Số tiền miễn (đồng):

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

16.2.1. Lý do giảm: Theo Khoản d Điều 3, Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

16. 2.2. Số tiền giảm (đồng): 11.265.051.600 đồng .

17. Số tiền sử dụng đất đã nộp:

18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước(đồng) : 0 đồng.

(Viết bằng chữ : Không đồng).

19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:

(Viết bằng chữ:)

20. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước

Nộp theo chương loại khoản mục Tiêu mục 1401

21 Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 02513.843.004; địa chỉ: số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai..

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện./.

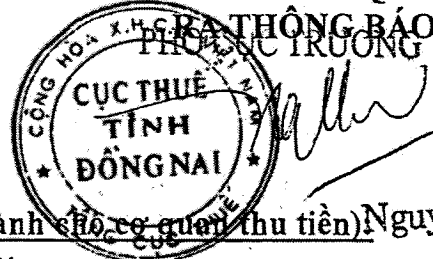
NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP TIỀN

Ngày tháng năm

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ



II - PHÂN XỬ LÝ CHẠM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền) Nguyễn Tấn Lợi

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Họ tên)

Số: 746 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 14 tháng 6 năm 2017

THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

I- PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 1147/PC-VPĐK ngày 31/5/2017 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 1724/STC-GCS ngày 14/4/2017 của Sở Tài chính về việc xác định tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền sử dụng đất dự án Hoa viên nghĩa trang Nhất An Viên tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

1. Tên người nộp tiền sử dụng đất: Công ty TNHH Công viên tưởng niệm Niết Bàn.

- Mã số thuế (nếu có): 3702 307 083 .

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: Lô D32, đường số 4, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương .

- Điện thoại:

Email:

2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số: xã Quang Trung,
huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):

6. Mục đích sử dụng đất: Đất nghĩa trang, nghĩa địa .

7. Nguồn gốc đất: Giao đất theo Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

8. Thời hạn giao đất : Lâu dài

9. Diện tích đất : 404.805 m²

9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: : 404.805 m²

9.1.1 Đất ở:

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: : 404.805 m²

9.1.3. Trường hợp khác : m²

9.2. Diện tích không phải nộp tiền

10. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m²): Theo Quyết định phê duyệt giá tính tiền sử dụng đất số 1756/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai : 360.000 đ/ m² ; 252.000 đ/ m²; 180.000 đ/ m² ; 108.000 đ/ m²

12 . Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :

13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:

13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:

13.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

13.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất :

13. 5.Trường hợp khác:

14. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng): 69.135.746.400 đồng .

15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) : 55.308.597.120 đồng.

15.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDĐ: 55.308.597.120 đồng.

16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.1.1. Lý do miễn:

16.1.2. Thời gian miễn:

16.1.3. Số tiền miễn (đồng):

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

16.2.1. Lý do giảm: Theo Khoản d Điều 3, Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

16. 2.2.Số tiền giảm (đồng): 16.389.2465.960 đồng .

17. Số tiền sử dụng đất đã nộp:

18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước(đồng) : 0 đồng.

(Viết bằng chữ : Không đồng).

19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:

(Viết bằng chữ:)

20. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước

Nộp theo chương loại khoản..... mục..... Tiểu mục 1401

21 Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0613.843.004; địa chỉ: số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai..

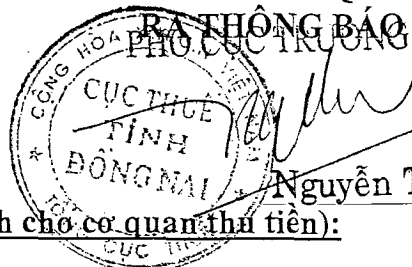
Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện./

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP TIỀN**

Ngày tháng năm

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ



Nguyễn Tấn Lợi

II - PHÂN XỬ LÝ CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

Số: 1172/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 30 tháng 8 năm 2017

THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT

I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 213/PC-VPĐK ngày 25/1/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 1109/VPĐK-ĐKTD ngày 28/3/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung thông tin; văn bản số 3855/STC-GCS ngày 10/12/2015 của Sở Tài chính Đồng Nai về việc xác định tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được khấu trừ vào tiền thuê đất dự án Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico tại các xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Bắc và Xuân Thành, huyện Xuân Lộc; văn bản số 2185/STC-GCS ngày 08/5/2017 của Sở Tài chính Đồng Nai về việc số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được khấu trừ vào tiền thuê đất đối với diện tích của Khu 3B+3C thuộc Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.**

Mã số thuế: 3600 253 505 .

Địa chỉ gửi thông báo: Số 21, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại:

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: .Tờ bản đồ số: tại xã Xuân Tâm và xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc.

4. Loại đường/ khu vực: .

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: Phi nông nghiệp; Nông nghiệp khác.

7. Nguồn gốc đất : Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận cho Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai thuê đất để đầu tư hạ tầng kỹ thuật phân khu trồng trọt, chế biến thực phẩm (- vị trí-3C) thuộc Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico tại xã Xuân Tâm và xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai;

8. Thời hạn thuê (năm): Từ ngày 13/1/2014 đến ngày 24/1/2064.

9. Diện tích thuê : **2.348.071 m²** (Diện tích đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 1.366.670,20 m²; Diện tích đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp khác: 981.400,80 m².)

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **2.348.071 m²** theo Hợp đồng thuê đất số 117/HĐTD ngày 23/12/2015;

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:

10. Hình thức thuê đất:

10.1. Nộp tiền thuê đất hàng năm : Từ ngày 13/1/2014 đến ngày 12/4/2015.

10.2. Nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê : Từ ngày 13/4/2015 đến ngày 24/1/2064.

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 125 đ/m²/năm, 599,20 đ/m²/ năm.

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 25.000 đ/m², 59.920 đ/m².

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp từ ngày 13/1/2014 đến ngày 24/1/2064 là: **107.602.878.239 đ.**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp hàng năm : Từ ngày 13/1/2014 đến ngày 12/4/2015 là: **1.176.979.855 đ.**

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê từ ngày 13/4/2015 đến ngày 24/1/2064 là: **106.425.898.384 đ.**

14. Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng: 33.104.749.370 đ.

14.1 Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước :

14.1 Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng ứng trước được trừ vào tiền thuê đất : 33.104.749.370 đ.

15. Miễn, giảm tiền thuê đất: **74.498.128.869 đ.**

15.1 Miễn tiền thuê đất:

15.1.1 Lý do miễn :

15.1.2 Thời gian miễn:

15.1.3 Số tiền miễn :

15.2 Giảm tiền thuê đất : **74.498.128.869 đ.**

15.2.1 Lý do giảm: Giảm 70% tiền thuê đất theo Khoản 8, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Điều 6 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Điều 4, Chương II Bản quy định về mức ưu đãi và hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 8806/TB-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai thông báo kết luận của Đồng chí Trần Minh Phúc- Phó chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc nghe báo cáo xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico.

15.2.2 Thời gian giảm: Từ ngày 13/4/2015 đến ngày 24/1/2064;

15.2.3 Số tiền giảm : **74.498.128.869 đ.**

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước :

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê :

(Viết bằng chữ: **Không đồng**)

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất: từ ngày 13/1/2014 đến ngày 24/1/2064 là: 0 đ.

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: Từ ngày 13/1/2014 đến ngày 12/4/2015 là: 0 đ.

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: từ ngày 13/4/2015 đến ngày 24/1/2064 là: 0 đ.

(Viết bằng chữ: **Không đồng**)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **Không đồng**)

118. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước . TK .

Nộp theo chương loại khoản mục Tiểu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo thông báo .

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người thuê đất phải nộp đủ tiền thuê đất còn lại theo thông báo.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo mức quy định của Luật Quản lý thuế.

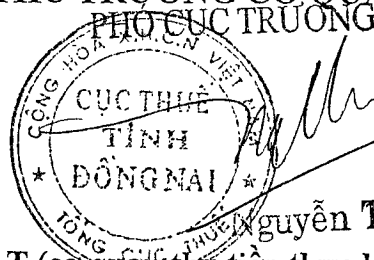
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./

NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Lợi

I/ PHẢN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng):

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

Số: 1250 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 21 tháng 7 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh Thông báo nộp tiền thuê đất số 868/TB.CT.QLCKTTĐ
Ngày 23/6/2017 của Cục Thuế Đồng Nai

I- PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Văn bản số 4141/UBND-KT ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v thực hiện Nghị định số 135/2016/NĐ-CP về tiền thuê đất của các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN đã cho thuê lại đất thu tiền một lần; Văn bản số 4804/STC-GCS ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính V/v xác định số tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền thuê đất của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam TNHH một thành viên; Căn cứ hợp đồng thuê đất số 96/HĐTĐ ngày 10/12/2008 của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (IDICO) và báo cáo, kê khai của Tổng Công ty về việc cho nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất thu tiền một lần. Cục Thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên người nộp tiền thuê đất: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp.

- Mã số thuế (nếu có): 0302177966

- Địa chỉ gửi thông báo: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

- Điện thoại:

Email:

- Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số:

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): được xác định được xác định theo từng thời kỳ

6. Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp.

7. Nguồn gốc đất: nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo Quyết định số 574/QĐ.CT.UBT ngày 27/02/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai, hợp đồng thuê đất số 96/HĐTĐ ngày 10/12/2008.

8. Thời hạn thuê đất: (50 năm) đến 04/3/2053

9. Diện tích đất thuê: /

9.1. Diện tích phải nộp tiền thuê đất: /

9.2. Diện tích không phải nộp tiền thuê: /

10. Hình thức thuê đất:

10.1 Trả tiền hàng năm: /

10.2 Trả tiền một lần: 1.260.424,68 m² (Đính kèm danh sách cho thuê lại)

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm (đồng/m²/năm): /.

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê :



* Tiền thuê đất phải nộp 01 lần được xác định bằng tiền thuê đất hàng năm tại thời điểm cho thuê lại đất (x) số năm cho thuê lại đất và cộng thêm một khoản tương đương với mức thu tiền chậm nộp (theo quy định tại Nghị định 135/2016/NĐ-CP).

12. Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13. Tổng số tiền thuê đất phải nộp: 137.809.071.485đ

13.1 Từ 01/01/2016 đến 04/3/2053 là: 137.809.071.845đ

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) : /

14.1 Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được trừ vào tiền thuê đất theo Văn bản số 4804/STC-GCS ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính(phân bổ cho diện tích phải nộp tiền): 20.805.470.503đ

15. Miễn, giảm tiền thuê đất: 22.247.204.365đ

15.1 Miễn tiền thuê đất: 22.247.204.365đ

15.1.1. Lý do miễn: Miễn theo Chính sách ưu đãi, QĐ số 10123/QĐ-CT ngày 17/12/2014.

*** Tiền thuê đất đã nộp: 8.411.300.723đ**

16. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước(đồng) : 86.345.095.894đ

16.1.Trường hợp thuê đất trả tiền một lần: 86.345.095.894đ

(Bằng chữ : (Tám mươi sáu tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm chín mươi bốn đồng)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: 86.345.095.894đ

18. Địa điểm nộp: Kho bạc tỉnh Đồng Nai (TM 3605). Số Tài khoản: 71111054274

Nộp theo chương loại khoản..... mục..... Tiêu mục 3605

19 Thời hạn nộp tiền:

19.1 Số tiền thuê đất phải nộp từ 01/01/2016 đến 04/3/2053 là: 86.345.095.894 đồng, nộp chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này.

19.2

Kỳ 1: /

Kỳ 2: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 02513.843.004; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền thuê đất biết và thực hiện./Q

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP TIỀN

Ngày tháng năm

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

RA THÔNG BÁO
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Lợi

II - PHẢN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (Đánh cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN